

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 478/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-4-2022
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh X, sinh năm: 1987 (Có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 25C, đường số 614, tổ 6, ấp M, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Ấp 6, xã L, huyện L1, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh S, sinh năm: 1978 (Có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 25C, đường số 614, tổ 6, ấp M, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 23/12/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh X trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Minh S quen biết, tự nguyện xây dựng gia đình năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng bà sống bên gia đình chồng, sống hạnh phúc tuy giữa vợ chồng cũng có xảy ra nhiều vấn đề, đến năm 2019 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân do trong suốt quá trình chung sống, ông Sang là người rất gia trưởng, mọi chuyện lớn nhỏ trong gia đình bà muốn làm gì cũng phải xin

phép ông, bà không được quyền có ý kiến riêng của mình, bà thừa nhận bản thân bà cũng ko kỹ tính, còn xuề xòa, lơ đãng, mỗi lần bà làm gì sai ông S phạt tiền bà với lý do “phạt tiền cho nhớ lần sau không tái phạm”. Trong cách dạy dỗ con cái giữa bà và ông S cũng không thống nhất, từ tháng 10/2021 bà không có việc làm phải ở nhà chăm sóc con, ông S lo ăn uống ba bữa nhưng bản thân bà cảm thấy bị tù túng, ngột ngạt do bị phụ thuộc về kinh tế, không có tiếng nói, ông S có những lời lẽ xúc phạm, chửi mắng nặng nề làm bà bị tổn thương rất nhiều, gia đình chồng có nghe thấy nhưng không nói gì, bà đã dọn đi chỗ khác ở hơn 06 tháng nay, bà cảm thấy không thể nào tiếp tục chung sống với ông S được nữa, có hàn gắn cũng không có hạnh phúc, bà có cảm giác sợ khi gặp ông S, do vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn.

Bà và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Hồng L, sinh ngày 01/12/2014 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 24/8/2020. Hiện bà đang nuôi cháu Minh A nên muốn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu, riêng cháu Hồng L hiện đang sống với ông S, để tiện việc đi học tại trường tiểu học Ph nên bà đồng ý để cháu Hồng L tiếp tục sống chung với ông S, bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con và bà cũng không cấp dưỡng nuôi con cho ông S.

Tài sản chung không có, nợ chung không có.

** Tại bản tự khai ngày 16/02/2022 và trong quá trình xét xử, bị đơn là ông Nguyễn Minh S trình bày:*

Ông và bà X tự nguyện xây dựng gia đình năm 2011, có đăng ký kết hôn. Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng về sống bên gia đình ông, cuộc sống có hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra vào năm 2020, nguyên nhân do vợ chồng thường cãi nhau, lý do một phần về kinh tế, một phần do bà X hời hợt, ẩu tả trong mọi việc, trong cách nuôi dạy con cái giữa vợ chồng ông cũng có cách nuôi dạy khác nhau, ông thừa nhận bản thân đôi khi nóng giận có những lời lẽ không đúng mực với bà X, tuy nhiên bà X không nói, không chia sẻ với ông, nay đến Tòa án bà X mới nói, ông phạt tiền là để bà X nhớ, mọi thứ ông làm cũng vì muốn tốt cho bà X, ông nhận thấy bản thân cũng có phần sai, ông xin lỗi và mong muốn bà X quay trở về để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau chăm lo các con, ông không đồng ý ly hôn.

Ông và bà X có 02 con chung đúng như bà X trình bày, cháu Minh A hiện đang sống với bà X, cháu Hồng L đang sống với ông. Trường hợp giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Hồng L, không yêu cầu bà X cấp dưỡng, ông cũng không cấp dưỡng nuôi con cho bà X.

Tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 23/12/2021, bà Trần Thị Thanh X yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Minh S, về con chung bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng tên Nguyễn Minh A, sinh ngày 24/8/2020, ông S cũng có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hồng L, sinh ngày 01/12/2014, tài sản chung không có, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Nguyễn Minh S đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 25C, đường số 614, tổ 6, ấp M, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Thanh X và ông Nguyễn Minh S tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67 do Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2010, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà X thì sau khi xây dựng gia đình vào năm 2011, hai bên chung sống hạnh phúc tại nhà chồng, sống hạnh phúc được khoảng 03, 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn vì vấn đề kinh tế gia đình và cách nuôi dạy con, ông S có những lời lẽ xúc phạm, chửi mắng nặng nề làm bà bị tổn thương rất nhiều, vì quá sợ hãi nên bà bỏ nhà tìm chỗ khác sinh sống từ tháng 12/2020, vợ chồng cũng ly thân từ đó, bà không dám cho ông S biết nơi ở mới vì bà luôn có cảm giác sợ ông S, bà cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với ông S được, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu được ly hôn.

Phía ông S cho rằng ông là người toàn tâm toàn ý với gia đình, vợ chồng ông vẫn chung sống hạnh phúc, vợ chồng có mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con cái, ông thừa nhận bản thân đôi khi nóng giận có những lời lẽ không đúng mực với bà X, tuy nhiên bà X không nói, không chia sẻ với ông nên ông mong muốn được đoàn tụ gia đình để cùng bà X lo cho con, không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét bà X và ông S hiện đã ly thân, sống tại hai địa chỉ khác nhau, nên Hội đồng xét xử xét không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà X và ông S không có tiếng nói chung, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nếu hàn gắn cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X.

[4] Về con chung:

Bà X và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Hồng L, sinh ngày 01/12/2014 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 24/8/2020. Xét bà X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Minh A, ông S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồng L, tại bản tự khai ngày 16/02/2022 của cháu L có nguyện vọng được sống với ba, hiện cháu Minh A đang sống với bà X, cháu Hồng L đang sống chung với ông S và đang học tại trường tiểu học Ph, để ổn định tâm sinh lý của cháu Hồng L,

Hội đồng xét xử xét giao cháu L cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu A cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà X và ông S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau, xét đây là sự tự nguyện của bà X và ông S, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Nếu sau này bà X và ông S có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung:

Bà X và ông S xác định không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà X và ông S trình bày không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56 Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thanh X về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh S .

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 67 do Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2011 cho bà Trần Thị Thanh X và ông Nguyễn Minh S không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà X và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Hồng L, sinh ngày 01/12/2014 và Nguyễn Minh A, sinh ngày 24/8/2020.

Giao cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 24/8/2020 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hồng L, sinh ngày 01/12/2014 cho ông S trực tiếp nuôi

dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà X và ông S về việc tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung:

Bà X và ông S trình bày không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà X và ông S trình bày không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thanh X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0043583 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

